

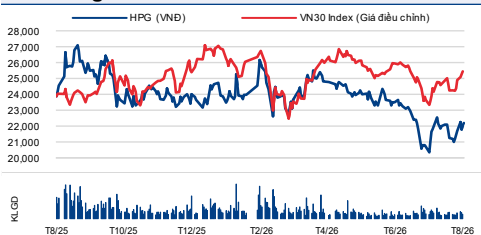
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,300
Tiềm năng tăng/giảm: 68.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/8/2026)	22,200
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,350-27,095
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	22,075
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	187,435
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,183
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,443
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	4,137
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,102
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.1%
Tỷ lệ freefloat	54.8%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (25.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	156,116	214,333	259,136
EBITDA đc (tỷ đồng)	28,896	41,270	50,881
LNTT (tỷ đồng)	18,041	30,117	33,033
LNT ĐC (tỷ đồng)	14,678	25,654	29,063
FCF (tỷ đồng)	(10,056)	5,702	13,038
EPS ĐC (đồng)	1,738	3,038	3,442
DPS (đồng)	500	500	500
BVPS (đồng)	15,300	18,801	21,752
T.trưởng EBITDA (%)	34.1	42.8	23.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	(2.64)	74.8	13.3
Tăng trưởng DPS (%)	nm	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	18.5	19.3	19.6
Tỷ suất LNTTT (%)	11.6	14.1	12.7
Tỷ suất LNT ĐC (%)	9.90	12.6	11.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	27.3	15.6	13.8
Nợ thuần/VCSH (%)	65.6	39.2	26.8
ROAE (%)	12.7	18.8	17.9
ROACE (%)	13.1	16.5	17.9
EV/doanh thu (lần)	1.63	1.07	0.80
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.79	5.56	4.06
P/E ĐC (lần)	12.8	7.31	6.45
P/B (lần)	1.45	1.18	1.02
Lợi suất cổ tức (%)	2.25	2.25	2.25

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Giám đốc, Ngành C.Nghiệp & Công Nghệ
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Sản lượng tiêu thụ thép tháng 7 tăng 66% svck, 9% svtt

- Trong tháng 7, sản lượng tiêu thụ thép thành phẩm của HPG tăng 66% so với cùng kỳ và tăng 9% so với tháng trước, đạt 1.4 triệu tấn. Trong đó, HRC tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với sản lượng tiêu thụ đạt 707.703 tấn (+98% svck; +1% svtt) nhờ các biện pháp phòng vệ thương mại đối với HRC Trung Quốc.
- Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, tổng sản lượng tiêu thụ thép đạt 6,4 triệu tấn (+34% svck), sát với kỳ vọng và hoàn thành 59% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 37.300đ (tiềm năng tăng giá 68%). HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 6,7 lần, so với bình quân 3 năm tính từ tháng 1/2023 ở mức 12,2 lần.

Sự kiện: Cập nhật sản lượng tiêu thụ tháng 7/2026

Hiệp hội Thép Việt Nam đã công bố báo cáo ngành tháng 7/2026. Theo đó, sản lượng tiêu thụ của HPG tiếp tục vững chắc với tổng sản lượng tiêu thụ thép đạt 1,4 triệu tấn (+66% svck; +9% svtt). Những thông tin chính như sau:

HRC tiếp tục là động cơ tăng trưởng chính

Sản lượng tiêu thụ HRC tháng 7 đạt 707.703 tấn (+98% svck; +1% svtt), đóng góp 49% vào tổng sản lượng tiêu thụ trong tháng. Đà tăng trưởng tích cực này chủ yếu đến từ việc áp thuế chống bán phá giá áp lên các sản phẩm thép Trung Quốc, cộng hưởng cùng đóng góp công suất từ dự án Dung Quất 2 (chính thức vận hành từ năm 2025).

Thị phần HRC của HPG tăng mạnh lên 37,5% trong tháng 7/2026 (so với mức 29,8% trong tháng 7/2025), trong khi tỷ trọng của nguồn hàng nhập khẩu thu hẹp từ 46,7% cùng kỳ xuống còn 43,5%. Đáng chú ý, Formosa (chưa niêm yết), nhà sản xuất HRC trong nước duy nhất còn lại của Việt Nam, chứng kiến sự thu hẹp đáng kể về thị phần, giảm từ 23,5% xuống còn 19%. Số liệu trên cho thấy HPG là bên hưởng lợi lớn nhất khi thầu tóm phần lớn dư địa thị trường mở ra từ các rào cản phòng vệ thương mại đối với sản phẩm HRC nhập khẩu từ Trung Quốc.

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, sản lượng tiêu thụ HRC đạt 4,1 triệu tấn (+63% svck), nâng tỷ trọng đóng góp của HRC trong tổng sản lượng thép tiêu thụ của HPG lên mức 48% (so với 39% trong 7 tháng đầu năm 2025). Trong khi đó, thị phần HRC của HPG tăng mạnh lên 35,6% (từ mức 25,1% trong 7 tháng đầu năm 2025).

Đầu tư công tạo lực đẩy cho thép xây dựng

HPG đã bán 469.676 tấn thép xây dựng trong tháng 7, tăng 27% so với cùng kỳ (tăng 15% so với tháng trước), phù hợp với nhu cầu tăng trưởng mạnh của toàn ngành. Tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng của Việt Nam trong tháng 7 đạt 1,36 triệu tấn, tăng vọt 27% so với cùng kỳ và tăng 18% so với tháng trước. HSC cho rằng động lực hỗ trợ chính đến từ sự bứt phá trong giải ngân vốn đầu tư công, khi quy mô đạt 98,6 nghìn tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng ấn tượng 32% so với cùng kỳ và 16% so với tháng trước.

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, sản lượng thép xây dựng của HPG đạt 3,2 triệu tấn (+13% svck), được hỗ trợ tích cực từ tiến độ giải ngân vốn đầu tư công với tổng giá trị đạt 425 nghìn tỷ đồng (+18% svck). Tuy nhiên, giá trị giải ngân trong 7 tháng đầu năm mới chỉ hoàn thành 41,9% kế hoạch cả năm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/8.

(Xem tiếp trang 2)

Do đó, chúng tôi kỳ vọng tốc độ giải ngân vốn đầu tư công sẽ bước vào giai đoạn tăng tốc trong các tháng cuối năm, theo đúng chu kỳ dồn lực hoàn thành kế hoạch năm của các dự án hạ tầng trọng điểm. Yếu tố này sẽ tiếp tục thúc đẩy nhu cầu thép xây dựng, qua đó bù đắp cho sự suy yếu tiềm ẩn từ hoạt động xây dựng dân dụng trong bối cảnh mặt bằng lãi suất neo ở mức cao.

Các sản phẩm khác

Sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép tiếp tục kém khả quan trong tháng 7, đạt lần lượt 35.236 tấn (-34% svck) và 73.370 tấn (-12% svck). Chúng tôi cho rằng áp lực suy giảm này bắt nguồn từ hai yếu tố chính: (1) nhu cầu xuất khẩu kém khả quan trước làn sóng bảo hộ thương mại gia tăng trên toàn cầu và (2) tiến độ hồi phục chậm của hoạt động xây dựng dân dụng tiếp tục kiềm chế sức cầu trong nước.

So với tháng trước, sản lượng tiêu thụ hai mặt hàng này lần lượt tăng 175% và 34%, chủ yếu nhờ so với mức nền thấp trong tháng 6 và các yếu tố mang tính mùa vụ.

Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, HPG đã tiêu thụ 224.799 tấn tôn mạ (-11% svck) và 486.013 tấn ống thép (+8% svck).

Đối với bán thành phẩm, trong tháng 7, HPG tiêu thụ 147.595 tấn phôi thép vuông billet và phôi tấm slab (so với 0 tấn trong tháng 7/2025, tăng 6% so với tháng trước). Lũy kế 7 tháng đầu năm 2026, tổng sản lượng tiêu thụ phôi thép vuông billet và phôi tấm slab đạt 575.393 tấn (+72% svck) nhờ quy mô công suất mới được bổ sung từ Khu liên hợp gang thép Dung Quất 2. Xuất khẩu đóng góp lên đến 83% tổng sản lượng tiêu thụ bán thành phẩm.

Duy trì khuyến nghị Mua vào

Sản lượng tiêu thụ thép 7 tháng đầu năm 2026 giữ vững đà tăng trưởng tích cực và sát với dự báo của HSC. Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận, kỳ vọng lợi nhuận thuần đạt 27 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 75% svck) và lợi nhuận thuần từ HĐKD cốt lõi đạt 27 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 48% svck). HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 6,7 lần, mức định giá rất rẻ, thấp hơn so với bình quân 3 năm từ tháng 1/2022 ở mức 12,2 lần, trong bối cảnh công ty có quỹ đạo tăng trưởng lợi nhuận tích cực. Bên cạnh đó, HPG cũng là một trong những cổ phiếu hưởng lợi chính từ dòng vốn thụ động chảy vào Việt Nam sau sự kiện nâng hạng thị trường. Chúng tôi ước tính tổng dòng vốn thụ động đổ vào HPG khoảng 78,5 triệu USD, được giải ngân qua 4 đợt cho đến tháng 9/2027. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 37.300đ (tiềm năng tăng giá là 68%).

Bảng 1: Sản lượng thép tiêu thụ, HPG

HPG đã tiêu thụ được 1,4 triệu tấn sản phẩm thép trong tháng 7, tăng 66% so với cùng kỳ

Tấn	T7-26	So với cùng kỳ	So với tháng trước	7T26	So với cùng kỳ	% hoàn thành dự báo
Thép xây dựng	469,676	27%	15%	3,208,877	13%	58%
Xuất khẩu	45,807	63%	-18%	321,704	-23%	
Trong nước	423,869	24%	21%	2,887,173	19%	
HRC	707,703	98%	1%	4,103,877	63%	58%
Xuất khẩu	119,863	359%	63%	695,757	116%	
Trong nước	587,840	78%	-7%	3,408,120	55%	
Tôn mạ	35,236	-34%	175%	224,799	-11%	51%
Xuất khẩu	18,819	-11%	6718%	52,260	-24%	
Trong nước	16,417	-49%	31%	172,539	-6%	
Ông thép	73,370	-12%	34%	526,868	8%	55%
Xuất khẩu	5,451	-7%	-7%	49,431	48%	
Trong nước	67,919	-13%	39%	477,437	5%	
Phôi thép & tấm slab	147,595	N/m	6%	575,393	72%	88%
Xuất khẩu	145,621	N/m	4%	479,284	53%	
Trong nước	1,974	N/m	N/m	96,109	331%	
Tổng sản lượng thép	1,433,580	66%	9%	8,639,814	34%	59%
Xuất khẩu	335,561	314%	22%	1,598,436	39%	
Trong nước	1,098,019	40%	5%	7,041,378	33%	

Nguồn: HSC

Bảng 2: Các dự án sản xuất thép, HPG

Tỷ lệ vận hành công suất thép thô trong 7 tháng đầu năm 2026 đạt 91%; HPG đang triển khai các dự án nhằm mở rộng công suất sản xuất thép thô và mở rộng danh mục sản phẩm hạ nguồn

Dự án	Vị trí	Hoạt động	Công suất (tấn/năm)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
Các dự án thượng nguồn				
Nâng công suất thép thô tại Dung Quất	Quảng Ngãi	2027	2,000,000	N/a
Nâng cấp Khu liên hợp gang thép Hải Dương	Hải Dương	Cuối năm 2026 – đầu năm 2027	500,000	N/a
Các dự án hạ nguồn				
Dự án thép ray	Quảng Ngãi	1Q27	700,000	10,000
Thép xây dựng (lò hồ quang điện)	Tây Ninh	Cuối năm 2026 – đầu năm 2027	700,000	2,450
Thép chất lượng cao	Quảng Ngãi	Cuối năm 2026 – đầu năm 2027	500,000	2,000
Các dự án đang nghiên cứu				
Mở rộng sản xuất thép ray	Quảng Ngãi	N/a	2,000,000	20,000
Khu liên hợp thép Phú Yên	Đắk Lắk	N/a	6,000,000	120,000

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	138,855	156,116	214,333	259,136	299,253
Lợi nhuận gộp	18,498	24,498	34,808	42,879	49,294
Chi phí BH&QL	(3,883)	(4,070)	(5,787)	(6,997)	(8,080)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	426	135	214	259	299
LN TT	13,693	18,041	30,117	33,033	38,911
Chi phí thuế TNDN	(1,673)	(2,526)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Lợi ích cổ đông thiểu số	1.42	(64.8)	(113)	(128)	(151)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	12,021	15,450	27,004	30,592	36,036
Lợi nhuận thuần ĐC	11,420	14,678	25,654	29,063	34,234
EBITDA ĐC	21,543	28,896	41,270	50,881	54,221
EPS (đồng)	1,879	1,830	3,198	3,623	4,268
EPS ĐC (đồng)	1,488	1,738	3,038	3,442	4,055
DPS (đồng)	0	500	500	500	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,396	8,443	8,443	8,443	8,443

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Đầu tư ngắn hạn	18,975	19,484	21,433	31,096	38,903
Phải thu khách hàng	7,648	15,065	17,147	20,731	23,940
Hàng tồn kho	46,091	52,828	64,300	72,558	92,769
Các tài sản ngắn hạn khác	7,073	8,004	11,145	14,252	17,357
Tổng tài sản ngắn hạn	86,674	103,682	142,988	181,839	233,841
TSCĐ hữu hình	130,995	144,291	138,199	130,941	120,809
TSCĐ vô hình	184	187	206	227	249
Bất động sản đầu tư	560	528	478	420	353
Đầu tư dài hạn	137	2,248	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5,940	6,985	12,233	14,776	17,053
Tổng tài sản dài hạn	137,815	154,240	151,117	146,363	138,465
Tổng cộng tài sản	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
Nợ ngắn hạn	55,883	64,695	66,443	69,967	80,798
Phải trả người bán	14,047	21,183	27,863	33,688	38,903
Nợ ngắn hạn khác	2,813	5,091	6,346	7,432	8,402
Tổng nợ ngắn hạn	75,225	94,209	105,100	116,464	134,313
Nợ dài hạn	27,080	27,479	23,640	21,108	16,886
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	29.3	31.0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	7,440	4,906	4,470	4,694	4,930
Tổng nợ dài hạn	34,550	32,416	28,110	25,802	21,816
Tổng nợ phải trả	109,842	126,702	133,210	142,266	156,129
Vốn chủ sở hữu	114,356	129,178	158,739	183,653	213,742
Lợi ích cổ đông thiểu số	291	2,042	2,155	2,284	2,435
Tổng vốn chủ sở hữu	114,647	131,220	160,894	185,937	216,177
Tổng nợ phải trả và VCSH	224,490	257,922	294,104	328,202	372,306
BVPS (đ)	17,879	15,300	18,801	21,752	25,316
Nợ thuần*/(tiền mặt)	76,075	83,873	61,121	47,873	36,812

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	14,615	20,428	29,021	35,883	41,214
Khấu hao	(6,928)	(8,468)	(12,249)	(14,999)	(13,007)
Lãi vay thuần	(1,348)	(2,522)	881	(3,109)	(2,603)
Thuế TNDN đã nộp	(937)	(1,995)	(2,999)	(2,312)	(2,724)
Thay đổi vốn lưu động	(13,927)	(10,949)	(31,364)	(27,940)	(39,454)
Khác	(2,358)	(3,373)	(395)	(4,736)	(4,809)
LCT thuần từ HĐKD	6,608	15,694	11,245	20,026	11,403
Đầu tư TS dài hạn	(35,495)	(25,750)	(5,543)	(6,988)	(2,213)
Góp vốn & đầu tư	(27,166)	(29,083)	(2,916)	(10,335)	(8,408)
Thanh lý	32,872	29,661	656	356	506
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(29,788)	(25,172)	(7,803)	(16,967)	(10,115)
Cổ tức trả cho CSH	(4,97)	(27,0)	(3,838)	(4,222)	(4,222)
Thu từ phát hành CP	233	1,707	0	0	0
Tăng/giảm nợ	17,587	9,211	21,058	15,401	20,605
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	17,815	10,891	17,220	11,179	16,384
Tiền & tương đương tiền đầu kì	12,252	6,888	8,301	28,963	43,201
LCT thuần trong kỳ	(5,365)	1,413	20,662	14,238	17,672
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.76	(0.15)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	6,888	8,301	28,963	43,201	60,873
Dòng tiền tự do	(28,887)	(10,056)	5,702	13,038	9,190

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.3	15.7	16.2	16.5	16.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	18.5	19.3	19.6	18.1
Tỷ suất LNT (%)	8.66	9.90	12.6	11.8	12.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.2	14.0	9.96	7.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	16.7	12.4	37.3	20.9	15.5
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	31.1	34.1	42.8	23.3	6.56
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	75.9	28.5	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS (%)	59.9	(2.64)	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	75.9	16.8	74.8	13.3	17.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	27.3	15.6	13.8	11.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	11.1	12.7	18.8	17.9	18.1
ROACE (%)	11.0	13.1	16.5	17.9	18.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.67	0.65	0.78	0.83	0.85
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.45	0.77	0.39	0.56	0.28
Số ngày tồn kho	140	147	131	122	135
Số ngày phải thu	23.2	41.8	34.9	35.0	35.0
Số ngày phải trả	42.6	58.7	56.6	56.9	56.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	67.2	65.6	39.2	26.8	18.0
Nợ/tài sản (%)	37.3	36.1	31.0	28.2	26.7
EBIT/lãi vay (lần)	10.8	8.10	N/a	11.5	15.8
Nợ/EBITDA (lần)	3.89	3.22	2.21	1.82	1.83
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.10	1.36	1.56	1.74
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.44	1.63	1.07	0.80	0.63
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.26	8.79	5.56	4.06	3.46
P/E (lần)	11.8	12.1	6.94	6.13	5.20
P/E ĐC (lần)	14.9	12.8	7.31	6.45	5.48
P/B (lần)	1.24	1.45	1.18	1.02	0.88
Lợi suất cổ tức (%)	0	2.25	2.25	2.25	2.25

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2026.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn